

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018**

Hà Nội, Tháng 08 năm 2018

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 32



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện nhệ Viễn Thông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Điện nhệ Viễn Thông được thành lập theo Quyết định số 939/QĐ-TCBĐ ngày 11 tháng 10 năm 2000 của Tổng cục Bưu điện. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000382 ngày 31 tháng 5 năm 2001 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0101135243 cấp lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2001, thay đổi lần thứ 14 ngày 15 tháng 09 năm 2016.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: LOW CURRENT TELECOM JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt là: LTC

Trụ sở chính: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Văn phòng: Liên kè 16, Ô 17 Khu đô thị mới Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, TP Hà Nội

Vốn điều lệ: 45.860.000.000 đồng.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Lương Quý Thăng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Tái bổ nhiệm ngày 29/06/2018
Ông Ngô Trọng Vinh	Phó Chủ tịch	
Ông Bùi Quốc Hưng	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 29/06/2018
Ông Ngô Anh Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/06/2018
Ông Nguyễn Từ Duẩn	Thành viên	
Ông Bùi Trung Liễu	Thành viên	
Ông Nguyễn Thành Chung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/06/2018

##### Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Trọng Hà	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 29/06/2018
Bà Trần Thị Thu Thủy	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 29/06/2018
Ông Hoàng Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/06/2018
Bà Phạm Thị Minh Thảo	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/06/2018
Ông Nguyễn Thành Chung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/06/2018
Bà Vũ Phương Lan	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/06/2018

##### Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Bùi Trung Liễu	Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Văn Chương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Ngô Trọng Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/08/2018
Ông Phạm Đức Thương	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc ngày 01/08/2018



Số: 673/2018/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018  
của Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn Thông

Kính gửi: **Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn Thông**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn thông, được lập ngày 14 tháng 08 năm 2018, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (Doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

Tại ngày 30/06/2018, Công ty đang ghi nhận trên khoản mục "Phải thu ngắn hạn của khách hàng" với số tiền là 92.465.950.146 đồng, "Phải thu khác" với số tiền là 73.457.487.015 đồng. Công ty đã trích lập "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" là 14.636.739.099 đồng. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ thư xác nhận các khoản nợ phải thu tại thời điểm 31/12/2017 và 30/06/2018. Chúng tôi cũng đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế nhưng vẫn không thể khẳng định được tính hiện hữu đầy đủ của các khoản công nợ phải thu. Do đó chúng tôi cũng không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 của Công ty.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở của kết luận ngoại trừ" chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (Doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc các vấn đề sau:

Như đã trình bày tại thuyết minh số 5.13 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: chi phí phải trả ngắn hạn trích trước vào giá thành các công trình khi chưa có hóa đơn GTGT, trải qua nhiều năm tài chính và chưa được Công ty thực hiện quyết toán tại ngày 30/06/2018.

Như trình bày tại thuyết minh Hoạt động liên tục phần Thuyết minh số 4 - Các chính sách kế toán áp dụng, tại ngày 30/06/2018, Công ty chưa đánh giá được khả năng thanh toán và xác định số có khả năng chi trả nợ. Thông báo số 79139/CT-QLN ngày 07/12/2017 của Cục thuế Thành phố Hà Nội về việc thông báo sẽ áp dụng biện pháp cưỡng chế "Thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng" theo quy định của Pháp luật. Những điều kiện này, cùng những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh Báo cáo tài chính cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và Biên bản số 01/2018/BB-HĐQT ngày 30/06/2018 của Hội đồng quản trị về việc thực hiện thoái vốn và/hoặc giảm vốn tại Công ty Cổ phần Cấp và Thiết bị Viễn thông. Công ty thực hiện thông báo lên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo Thông báo số 60A/LTC ngày 30/06/2018 về loại Báo cáo tài chính (do thay đổi mô hình của Công ty), theo đó Công ty không lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018. Các thủ tục liên quan đến việc thực hiện thoái vốn và/hoặc giảm vốn tại Công ty Cổ phần Cấp và Thiết bị Viễn thông chưa được Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C, số 2.0407/18/TC-AC ngày 30/03/2018 đưa ra ý kiến ngoại trừ.



**Phan Huy Thăng**  
**Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận Đăng ký  
Hành nghề Kiểm toán số: 0147-2018-137-1

Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**  
**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**  
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>196.814.731.961</b>	<b>206.947.756.534</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.01</b>	<b>3.802.125.917</b>	<b>2.602.849.052</b>
1. Tiền	111		2.656.962.341	1.457.685.476
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.145.163.576	1.145.163.576
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>171.167.278.947</b>	<b>181.950.235.581</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.02	92.465.950.146	96.514.865.404
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.03	19.694.188.944	19.508.188.944
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.04	73.457.487.015	80.377.528.391
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(14.636.739.099)	(14.636.739.099)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		186.391.941	186.391.941
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>21.732.675.672</b>	<b>22.291.625.978</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.05	21.732.675.672	22.291.625.978
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>112.651.425</b>	<b>103.045.923</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.529.193	10.529.193
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		102.122.232	92.516.730
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>34.458.472.043</b>	<b>33.675.505.992</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>10.416.078.934</b>	<b>10.416.078.934</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.06	3.703.872.934	3.703.872.934
- Nguyên giá	222		8.083.607.060	8.083.607.060
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.379.734.126)	(4.379.734.126)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.07	6.712.206.000	6.712.206.000
- Nguyên giá	228		6.712.206.000	6.712.206.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.08</b>	<b>6.780.781</b>	<b>226.708.638</b>
1. Nguyên giá	231		563.856.890	6.510.252.959
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(557.076.109)	(6.283.544.321)
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.09</b>	<b>22.868.920.013</b>	<b>22.868.920.013</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		22.213.400.000	22.213.400.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.675.000.000	1.675.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.019.479.987)	(1.019.479.987)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.166.692.315</b>	<b>163.798.407</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.15	1.166.692.315	163.798.407
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>231.273.204.004</b>	<b>240.623.262.526</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Mẫu B01a-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>175.729.515.763</b>	<b>185.405.280.492</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>175.515.015.763</b>	<b>185.190.780.492</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	11.934.778.630	26.051.668.774
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	3.426.629.033	4.043.906.581
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	17.964.456.308	18.030.815.828
4. Phải trả người lao động	314		1.420.796.845	1.002.345.448
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	45.225.173.378	40.551.419.922
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	36.286.251.396	35.630.354.817
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	59.217.871.751	59.836.710.700
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		39.058.422	43.558.422
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>214.500.000</b>	<b>214.500.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	214.500.000	214.500.000
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>55.543.688.241</b>	<b>55.217.982.034</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>55.543.688.241</b>	<b>55.217.982.034</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		45.860.000.000	45.860.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411b		45.860.000.000	45.860.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.913.796.070	24.077.383.636
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.801.281.768	2.801.281.768
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.968.610.403	(17.520.683.370)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(17.520.683.370)	1.060.663.921
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		19.489.293.773	(18.581.347.291)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>231.273.204.004</b>	<b>240.623.262.526</b>

Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Phạm Đức Thương

Phạm Đức Thương

Bùi Trung Liễu



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỆN THÔNG**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Mẫu B02a-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán 6	Cho kỳ kế toán 6
			tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	9.009.381.637	44.560.601.518
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		9.009.381.637	44.560.601.518
4. Giá vốn hàng bán	11	6.02	8.147.545.532	41.087.716.777
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>861.836.105</b>	<b>3.472.884.741</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.03	1.330.188	106.265.269
7. Chi phí tài chính	22	6.04	835.568.165	2.506.285.474
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		835.568.165	2.502.301.944
8. Chi phí bán hàng	25		-	15.282.544
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.05	812.256.062	5.006.203.525
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(784.657.934)</b>	<b>(3.948.621.533)</b>
11. Thu nhập khác	31		1.210.072.142	-
12. Chi phí khác	32		99.708.001	34.774.949
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	<b>6.06</b>	<b>1.110.364.141</b>	<b>(34.774.949)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>325.706.207</b>	<b>(3.983.396.482)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	40.815.880
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>325.706.207</b>	<b>(4.024.212.362)</b>
<b>18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ</b>	<b>61</b>		<b>325.706.207</b>	<b>(3.885.260.368)</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông thiểu số	62		-	(138.951.994)
20. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	71		429	(847)

Hà nội, ngày 14 tháng 08 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng




Phạm Đức Thương

Phạm Đức Thương



Bùi Trung Liễu

Mẫu B 03a-DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

CHỈ TIÊU	MS	Cho kỳ kế toán 6	Cho kỳ kế toán 6
		tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.968.610.403	(3.983.396.482)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	(5.726.468.212)	1.375.506.062
- Các khoản dự phòng	03	-	801.439.278
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	-	(85.472.000)
- Chi phí lãi vay	06	835.568.165	2.502.301.944
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(2.922.289.644)	610.378.802
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09	20.462.443.109	6.496.397.468
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	558.950.306	5.258.271.309
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả	11	(23.419.771.213)	(2.472.763.183)
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12	-	4.658.619
- Tiền lãi vay đã trả	14	(835.568.165)	(782.385.922)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(196.759.764)	(23.715.819)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	3.227.609.024	(11.800.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(3.125.386.347)</b>	<b>9.079.041.274</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	5.946.396.069	-
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	(1.002.893.908)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	85.472.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>4.943.502.161</b>	<b>85.472.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHE VIỄN THÔNG**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Mẫu B 03a-DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

(Đơn vị: VND)

CHỈ TIÊU	MS	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017
		VND	VND
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	10.626.972.165	20.163.738.252
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(11.245.811.114)	(28.233.111.605)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(618.838.949)</i>	<i>(8.069.373.353)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.199.276.865	1.095.139.921
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.602.849.052	2.488.439.726
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3.802.125.917	3.583.579.647

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2018

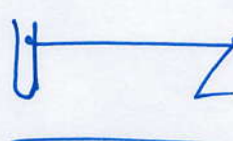
Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Đức Thương



Phạm Đức Thương



Bùi Trung Liễu

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn Thông là Công ty Cổ phần được thành lập theo Quyết định số 939/QĐ-TCBĐ ngày 11 tháng 10 năm 2000 của Tổng cục Bưu điện. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000382 ngày 31 tháng 5 năm 2001 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0101135243 cấp lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2001, thay đổi lần thứ 14 ngày 15 tháng 09 năm 2016.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: LOW CURRENT TELECOM JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt là: LTC

Trụ sở chính của Công ty tại Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Văn phòng giao dịch: Lô 17, liên kè 16, khu đô thị mới Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn Thông là 45.860.000.000 đồng.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Tư vấn, khảo sát, thiết kế các công trình điện nhẹ viễn thông, điện lạnh, điện tử tin học, các hệ thống chống sét, nội thất;
- Sản xuất kinh doanh phụ kiện xây lắp, vật tư, thiết bị chuyên ngành điện nhẹ viễn thông, tin học;
- Thiết kế kỹ thuật thi công và lập tổng dự toán công trình;
- Thi công xây lắp các công trình: điện nhẹ viễn thông, điện, điện lạnh, điện tử tin học, các hệ thống chống sét, báo cháy, điện nước, thang máy, các công trình thông tin bưu điện, các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thẩm định, thiết kế các công trình: thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông, hệ thống máy tính, mạng thông tin liên lạc, hệ thống camera Quan sát; điện nhẹ; viễn thông; điện lạnh; điện tử tin học, các hệ thống chống sét, báo cháy, điện nước, thang máy;
- Đầu tư, lắp đặt, xây dựng và cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông, dịch vụ cho thuê thiết bị viễn thông.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/06/2018, Công ty có các công ty con và các đơn vị trực thuộc như sau:

<b>Đơn vị</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu</b>
<b>Công ty con</b>		
Công ty Cổ phần Cấp và Thiết bị viễn thông	Thi công công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện	55,5%
<b>Đơn vị trực thuộc</b>		
Xí nghiệp điện nhẹ Viễn thông I	Thi công công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện	

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Hoạt động liên tục**

Theo Thông báo số 79139/CT-QLN ngày 07/12/2017 của Cục thuế TP Hà Nội về việc thông báo sẽ áp dụng biện pháp cưỡng chế nợ thuế đối với Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn thông với lý do đến thời điểm ngày 06/11/2017 Công ty còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp trên 120 ngày số tiền là 31.017.379.888 đồng và áp dụng biện pháp cưỡng chế Thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng theo quy định của Pháp luật.

Tại ngày 30/06/2018, Công ty chưa được thực đánh giá khả năng thanh toán, việc áp dụng các biện pháp thu hồi công nợ chưa lại kết quả cho Công ty. Công ty đang nợ phải trả các Nhà cung cấp, nợ vay ngân hàng và nợ vay các tổ chức, cá nhân khác. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 không phát sinh hợp đồng kinh tế để tạo ra doanh thu trong tương lai.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Hoạt động liên tục (tiếp theo)**

Để khắc phục tình trạng này, Ban Giám đốc đã và đang thực hiện các biện pháp như sau:

- Thực hiện chủ trương thoái vốn vào công ty con, công ty liên kết theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/06/2018 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
- Thực hiện bù đắp lỗ lũy kế đến năm 2017 từ việc sử dụng Thặng dư vốn cổ phần.
- Bổ sung ngành nghề kinh doanh mới và sửa đổi điều lệ của Công ty để phù hợp với ngành nghề kinh doanh.
- Tiếp tục tìm kiếm khách hàng để thực hiện sản xuất kinh doanh trong thời gian tiếp theo, tạo doanh thu và ủy quyền cho Xí nghiệp Điện nhẹ Viễn thông I thực hiện.
- Thực hiện quyết toán các công trình tồn đọng và thu hồi công nợ.

Bằng các biện pháp trên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai.

**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng tại ngày 30/06/2018.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của các ngân hàng mà Công ty đang giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - TK 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc Chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 10/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

**Nguyên tắc kế toán****Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất vô thời hạn nên Công ty không thực hiện trích khấu hao theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

**Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<b>Tài sản cố định</b>	<b>Số năm khấu hao</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện, vận tải truyền dẫn	06
Thiết bị dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	03 - 05

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời gian từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng không quá 03 năm.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Chi phí phải trả của Công ty là chi phí trích trước lãi tiền vay ngân hàng phát sinh trong kỳ chưa thực hiện chi trả.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn chủ sở hữu hiện nay của Công ty chỉ có cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Công ty

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ và Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên hàng năm của Công ty.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi tiền gửi và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Các bên liên Quan**

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con của Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Người quản lý của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

Báo cáo tài chính giữa niên cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****Mẫu B 09a-DN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.01 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/06/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.601.992.495	396.934.829
Tiền gửi ngân hàng	1.054.969.846	1.060.750.647
Các khoản tương đương tiền <i>(là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 03 tháng)</i>	1.145.163.576	1.145.163.576
<b>Cộng</b>	<b>3.802.125.917</b>	<b>2.602.849.052</b>

**5.02 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>30/06/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ban điều hành gói thầu PK1C CTGT1	4.147.491.965	4.147.491.965
Ban điều hành gói thầu PK 2	22.136.337.381	22.136.337.381
BQL Dự án Thái Nguyên	12.716.440.793	8.062.179.362
Công ty CP Lắp máy điện nước và xây dựng	1.244.269.858	1.244.269.858
Công ty CPTKXD và Thương mại Hà Thành	1.197.663.023	1.197.663.023
Công ty TNHH Vinpearl Nha Trang	7.547.182.880	7.547.182.880
Tổng cục Hậu cần An Ninh	3.016.465.013	3.016.465.013
Thầu TK và XD công trình GS	16.479.890.549	21.889.490.549
Tổng công ty XD Công trình Giao thông 8	2.653.124.320	2.653.124.320
Công ty TNHH QL XD Vincom 1	2.117.540.380	2.117.540.380
Công ty Cổ phần Hanel	-	5.446.195.360
Công ty TNHH Phong Thái	228.000.000	1.936.000.000
Công ty Hòa Phát Thượng	3.541.537.562	-
Phải thu các khách hàng khác	15.440.006.422	15.120.925.313
<b>Cộng</b>	<b>92.465.950.146</b>	<b>96.514.865.404</b>

Công ty chưa thực hiện đối chiếu Nợ phải thu tại thời điểm 31/12/2017 và 30/06/2018. Công ty chưa thực hiện đánh giá thực trạng và ước tính khả năng có thể thu hồi nợ phải thu tại ngày 30/06/2018. Việc trích lập dự phòng nợ phải thu trên có thể sẽ được Công ty xem xét và thực hiện vào thời điểm kết thúc năm tài chính 2018.

**5.03 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>30/06/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Luxe Việt Nam	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty TNHH Tập đoàn Minh Phúc	13.417.025.101	13.417.025.101
Công ty Hà Thành	875.355.670	875.355.670
Các nhà cung cấp khác	3.901.808.173	3.715.808.173
<b>Cộng</b>	<b>19.694.188.944</b>	<b>19.508.188.944</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỆN THÔNG**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu B 09a-DN

**5.04 Phải thu khác**

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
Tạm ứng	54.907.645.630	-	61.874.509.006	-
Ký cược, ký quỹ	91.200.000	-	91.200.000	-
Phải thu các đơn vị và cá nhân liên quan đến thi công các công trình hạ ngầm	11.766.047.640	(11.766.047.640)	11.766.047.640	(11.766.047.640)
Phải thu các đội về chi phí khoán của các công trình bị cắt giảm doanh thu khi phê duyệt quyết toán	3.643.017.029	-	3.643.017.029	-
Phải thu công ty CP Đầu tư và phát triển dự án tiểu vùng sông Mêkông	2.100.000.000	-	2.100.000.000	-
Các khoản BHXH, BHYT của CBCNV	20.015.000	-	324.200.710	-
Phải thu công ty CP Đầu tư thiết kế viễn thông Cần Thơ về tiền cổ tức	24.261.003	-	24.261.003	-
Phải thu khác	905.300.713	(4.888.084)	554.293.003	(4.888.084)
<b>Cộng</b>	<b>73.457.487.015</b>	<b>(11.770.935.724)</b>	<b>80.377.528.391</b>	<b>(11.770.935.724)</b>

**5.05 Hàng tồn kho**

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.001.964.978	-	-	-
Chi phí SX kinh doanh dở dang	18.730.710.694	-	22.291.625.978	-
<b>Cộng</b>	<b>21.732.675.672</b>	<b>-</b>	<b>22.291.625.978</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHIỆT VIÊN THÔNG**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Mẫu B 09a-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5.06 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2018	1.000.000.000	2.377.216.593	4.523.653.195	143.636.363	39.100.909	8.083.607.060
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2018	1.000.000.000	2.377.216.593	4.523.653.195	143.636.363	39.100.909	8.083.607.060
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2018	73.333.333	1.617.368.115	2.521.028.753	128.903.016	39.100.909	4.379.734.126
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2018	73.333.333	1.617.368.115	2.521.028.753	128.903.016	39.100.909	4.379.734.126
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2018	926.666.667	759.848.478	2.002.624.442	14.733.347	-	3.703.872.934
Tại ngày 30/06/2018	926.666.667	759.848.478	2.002.624.442	14.733.347	-	3.703.872.934

Đơn vị: VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****Mẫu B 09-DN****5.07 Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2018	6.712.206.000	6.712.206.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Giảm khác	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2018	<u>6.712.206.000</u>	<u>6.712.206.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2018	-	-
Tăng trong kỳ	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2018	<u>-</u>	<u>-</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2018	<u>6.712.206.000</u>	<u>6.712.206.000</u>
Tại ngày 30/06/2018	<u>6.712.206.000</u>	<u>6.712.206.000</u>

**5.08 Bất động sản đầu tư**

	Các trạm BTS cho thuê	Cộng
		<i>Đơn vị: VND</i>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2018	6.510.252.959	6.510.252.959
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	5.946.396.069	5.946.396.069
Số dư tại ngày 30/06/2018	<u>563.856.890</u>	<u>563.856.890</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2018	6.283.544.321	6.283.544.321
Tăng trong kỳ	219.927.857	219.927.857
Khấu hao trong kỳ	219.927.857	219.927.857
Giảm trong năm	5.946.396.069	5.946.396.069
Số dư tại ngày 30/06/2018	<u>557.076.109</u>	<u>557.076.109</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2018	<u>226.708.638</u>	<u>226.708.638</u>
Tại ngày 30/06/2018	<u>6.780.781</u>	<u>6.780.781</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu B 09-DN

**5.09 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	30/06/2018 (VND)			01/01/2018 (VND)		
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>22.213.400.000</b>	<b>422.479.987</b>	<b>21.790.920.013</b>	<b>22.213.400.000</b>	<b>422.479.987</b>	<b>21.790.920.013</b>
Công ty Cổ phần Cấp và Thiết bị Viễn thông (i)	22.213.400.000	422.479.987	21.790.920.013	22.213.400.000	422.479.987	21.790.920.013
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>1.675.000.000</b>	<b>597.000.000</b>	<b>1.078.000.000</b>	<b>1.675.000.000</b>	<b>597.000.000</b>	<b>1.078.000.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết kế Viễn thông Cần Thơ	1.078.000.000	-	1.078.000.000	1.078.000.000	-	1.078.000.000
Công ty Cổ phần Liên doanh Điện nhệ Viễn thông	597.000.000	597.000.000	-	597.000.000	597.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>23.888.400.000</b>	<b>1.019.479.987</b>	<b>22.868.920.013</b>	<b>23.888.400.000</b>	<b>1.019.479.987</b>	<b>22.868.920.013</b>

(i) Công ty Cổ phần Cấp và Thiết bị Viễn thông hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103017426 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 21 tháng 5 năm 2007 thay đổi lần thứ 11, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp và Thiết bị Viễn thông là 22.213.400.000 VND, tương đương với 55,53% vốn điều lệ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHIỆT VIÊN THÔNG**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu B 09-DN

**5.10 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng thanh toán	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng thanh toán
Công ty TNHH Nam Phát	1.876.239.750	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ xây dựng Khánh Vĩnh	1.161.088.200	-	-	-
Công ty TNHH Cung cấp vật tư thiết bị xây dựng Minh Lê	2.200.000.000	-	2.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện tử viễn thông Vinacap	-	-	17.427.051.620	-
Các nhà cung cấp khác	6.136.587.828	-	586.754.302	-
<b>Phải trả bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần Xây lắp điện nhẹ viễn thông	560.862.852	-	560.862.852	-
<b>Cộng</b>	<b>11.934.778.630</b>	<b>-</b>	<b>20.774.668.774</b>	<b>-</b>

Công ty chưa thực hiện đối chiếu Nợ phải trả nhà người bán tại thời điểm 31/12/2017 và 30/06/2018 và chưa thực hiện đánh giá được số có khả năng trả nợ và khả năng thanh toán của Công ty.

**5.11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng thanh toán	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng thanh toán
Công ty TNHH Quản lý xây dựng Vincom1	765.604.271	-	765.604.271	-
Công ty CP hạ tầng viễn thông CMC	177.818.850	-	177.818.850	-
Công ty TNHH Đất vàng nội thất Thành Đạt	556.000.000	-	333.600.000	-
Các khách hàng khác	1.927.205.912	-	2.766.883.460	-
<b>Cộng</b>	<b>3.426.629.033</b>	<b>-</b>	<b>4.043.906.581</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****Mẫu B 09-DN****5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2018 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/06/2018 VND
<b>Phải nộp</b>	<b>18.030.815.828</b>	<b>133.422.244</b>	<b>199.781.764</b>	<b>17.964.456.308</b>
Thuế giá trị gia tăng	8.850.856.902	133.422.244	196.759.764	8.787.519.382
Thuế TNDN	6.849.060.652			6.849.060.652
Thuế thu nhập cá nhân	1.094.779.100			1.094.779.100
Thuế khác	10.000.000		3.022.000	6.978.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.226.119.174			1.226.119.174

Thông báo số 79139/CT-QLN ngày 07/12/2017 của Cục thuế TP Hà Nội về việc thông báo sẽ áp dụng biện pháp cưỡng chế nợ thuế đối với Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn thông với lý do đến thời điểm ngày 06/11/2017 Công ty còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp trên 120 ngày số tiền là 31.017.379.888 đồng và áp dụng biện pháp cưỡng chế "Thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng" theo quy định của Pháp luật.

**5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Trích trước chi phí các công trình	17.489.354.916	11.973.025.042
Công trình Khách sạn VinPearl Premium Golf Land	5.332.842.106	5.332.842.106
San Nền giai đoạn II	4.714.219.882	4.714.219.882
Chi phí lãi vay	3.980.182.237	4.414.450.655
Công trình trạm xử lý nước thải tập trung	3.385.806.277	3.385.806.277
TTTTM khu vui chơi giải trí Thành phố Yên Bái	2.711.827.734	2.711.827.734
Hạng mục xây dựng kè đá, tường rào và hệ thống kỹ thuật thuộc dự án BĐ65	2.112.573.458	2.112.573.458
HĐ số 25: Thi công Xây dựng nhà nghiệp vụ	1.578.520.324	1.578.520.324
Công trình xây dựng hào kỹ thuật - Dự án Vành đai Bình Lợi	1.545.183.364	1.545.183.364
FTTx băng thông rộng TP Hà Nội	1.280.361.231	1.280.361.231
Công ty Hà thành - Cung cấp vật tư hệ thống điện nhẹ	1.094.301.849	1.094.301.849
Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	-	408.308.000
<b>Cộng</b>	<b>45.225.173.378</b>	<b>40.551.419.922</b>

Chi phí trích trước vào giá thành các công trình chưa có hóa đơn GTGT qua nhiều năm tài chính và chưa được Công ty quyết toán tại ngày 30/06/2018.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHIỆT VIÊN THÔNG**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****Mẫu B 09-DN****5.14 Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/06/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	172.258.218	171.751.218
BHXH, BHYT, BHTN	2.333.401.952	2.441.871.998
Cổ tức LN phải trả	-	46.035.316
Phải trả các cá nhân về tiền vay không tính lãi	169.475.632	551.253.000
Quỹ chính sách xã hội	-	209.937.976
Chi phí công trình phải trả các đội thi công	33.568.419.003	31.172.399.139
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	42.696.591	1.037.106.170
<b>Cộng</b>	<b><u>36.286.251.396</u></b>	<b><u>35.630.354.817</u></b>

**5.15 Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>30/06/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí sửa chữa tài sản	1.166.692.315	163.798.407
<b>Cộng</b>	<b><u>1.166.692.315</u></b>	<b><u>163.798.407</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHE VIỄN THÔNG**

Bảo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu B 09a-DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5.16 Vay và nợ thuê tài chính**

	01/01/2018 (VND)		30/06/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>59.836.710.700</b>	<b>59.836.710.700</b>	<b>59.217.871.751</b>	<b>59.217.871.751</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	34.294.436.150	34.294.436.150	30.287.553.650	30.287.553.650
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	234.000.000	234.000.000	234.000.000	234.000.000
Tổ chức khác	1.053.504.000	1.053.504.000	10.153.504.000	10.153.504.000
Cá nhân khác	24.254.770.550	24.254.770.550	18.542.814.101	18.542.814.101
<b>Vay dài hạn</b>	<b>214.500.000</b>	<b>214.500.000</b>	<b>214.500.000</b>	<b>214.500.000</b>
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	214.500.000	214.500.000	214.500.000	214.500.000
<b>Cộng</b>	<b>60.051.210.700</b>	<b>60.051.210.700</b>	<b>59.432.371.751</b>	<b>59.432.371.751</b>

Khoản vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất thay đổi theo từng kỳ ước vay, thời hạn vay dưới 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất tại Khu đô thị mới Văn Khê.

Vay các cá nhân: không có tài sản đảm bảo, lãi suất 11%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHIỆT VIÊN THÔNG**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu B 09a-DN

**5.17 Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư 01/01/2017</b>	45.860.000.000	24.077.383.636	2.801.281.768	1.060.663.921	73.799.329.325
<b>Tăng trong năm</b>	-	-	-	(18.581.347.291)	(18.581.347.291)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(18.581.347.291)	(18.581.347.291)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>45.860.000.000</b>	<b>24.077.383.636</b>	<b>2.801.281.768</b>	<b>(17.520.683.370)</b>	<b>55.217.982.034</b>
<b>Số dư tại 01/01/2018</b>	45.860.000.000	24.077.383.636	2.801.281.768	(17.520.683.370)	55.217.982.034
<b>Tăng trong kỳ</b>	-	-	-	19.489.293.773	19.489.293.773
Sử dụng Quỹ Thặng dư vốn cổ phần bù đắp lỗ lũy kế 2017 (1)	-	-	-	19.489.293.773	19.489.293.773
<b>Giảm trong kỳ</b>	-	19.163.587.566	-	-	19.163.587.566
Trích quỹ	-	-	-	-	-
Sử dụng Quỹ Thặng dư vốn cổ phần bù đắp lỗ lũy kế 2017 (1)	-	19.163.587.566	-	-	19.163.587.566
<b>Số dư tại 30/06/2018</b>	<b>45.860.000.000</b>	<b>4.913.796.070</b>	<b>2.801.281.768</b>	<b>1.968.610.403</b>	<b>55.543.688.241</b>

(1) Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông năm 2018 ngày 29/06/2018 v/v: Thực hiện bù đắp lỗ lũy kế đến năm 2017 từ việc sử dụng Thặng dư vốn cổ phần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHIỆT VIỄN THÔNG**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****Mẫu B 09a-DN****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<b>Kỳ này</b> <b>VND</b>	<b>Kỳ trước</b> <b>VND</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	-	-
Vốn góp tại đầu kỳ	45.860.000.000	45.860.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	45.860.000.000	45.860.000.000
<b>Chia cổ tức, phân phối lợi nhuận, trích quỹ</b>	-	-

**c. Cổ phiếu**

	<b>30/06/2018</b> <b>Cổ phiếu</b>	<b>01/01/2018</b> <b>Cổ phiếu</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>4.586.000</b>	<b>4.586.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	4.586.000	4.586.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>4.586.000</b>	<b>4.586.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	4.586.000	4.586.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>4.586.000</b>	<b>4.586.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	4.586.000	4.586.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****Mẫu B 09a-DN****6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.01 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.009.381.637	44.560.601.518
<b>Cộng</b>	<b>9.009.381.637</b>	<b>44.560.601.518</b>

**6.02 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Giá vốn dịch vụ cung cấp	8.147.545.532	41.087.716.777
<b>Cộng</b>	<b>8.147.545.532</b>	<b>41.087.716.777</b>

**6.03 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Lãi tiền gửi	1.330.188	106.265.269
<b>Cộng</b>	<b>1.330.188</b>	<b>106.265.269</b>

**6.04 Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Lãi tiền vay	835.568.165	2.502.301.944
Chi phí tài chính khác	-	3.983.530
<b>Cộng</b>	<b>835.568.165</b>	<b>2.506.285.474</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****Mẫu B 09a-DN****6.05 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	590.207.343	1.791.581.652
Chi phí vật liệu quản lý	-	17.088.064
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	14.367.393
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	527.165.368
Thuế, phí, lệ phí	1.000.000	45.590.175
Chi phí dự phòng	-	801.439.279
Chi phí dịch vụ mua ngoài	221.048.719	1.588.706.084
Chi phí khác bằng tiền	-	220.265.511
<b>Cộng</b>	<b>812.256.062</b>	<b>5.006.203.526</b>

**6.06 Lợi nhuận khác**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>1.210.072.142</b>	-
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.210.072.142	-
Thu nhập khác		
<b>Chi phí khác</b>	<b>99.708.001</b>	<b>34.774.949</b>
Chi phí khác	99.708.001	34.774.949
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>1.110.364.141</b>	<b>(34.774.949)</b>

**6.07 Lãi cơ bản / suy giảm trên cổ phiếu**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Lợi nhuận sau Thuế TNDN	1.968.610.403	(3.885.260.368)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.586.000	4.586.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>429</b>	<b>(847)</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẹ VIỄN THÔNG**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****Mẫu B 09a-DN****7. THÔNG TIN KHÁC****7.01 Giao dịch với số dư các bên liên Quan**

Các bên liên Quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

**a. Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.**

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.*

Trong kỳ, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tại ngày 30/06/2018, số công nợ với thành viên quản lý chủ chốt như sau:

		<b>30/06/2018</b>
<b>Nội dung</b>		<b>VND</b>
Nguyễn Từ Duẩn	Vay ngắn hạn	200.000.000

**b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Cấp và Thiết bị Viễn thông Công ty con

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài khoản giao dịch góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp và Thiết bị Viễn thông đã được thực hiện trong năm 2017 thì trong kỳ Công ty không phát sinh bất kỳ giao dịch nào với các bên liên quan.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Tại ngày 30/06/2018, số dư Công nợ với các bên liên quan của Công ty như sau:

		<b>30/06/2018</b>
<b>Nội dung</b>		<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Cấp và thiết bị Viễn thông	Vay ngắn hạn	9.541.404.000
Công ty Cổ phần Xây lắp điện nhẹ viễn thông	Phải trả nhà cung cấp	560.862.852



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu B 09a-DN

**7.02 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

Theo Công văn số 01/LCT-TCKT ngày 20 tháng 07 năm 2018 về việc không lập báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2018, Công ty sẽ thực hiện việc tái cơ cấu vốn tại Công ty Cổ phần Cấp và Thiết bị Viễn thông và Đại hội cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc thực hiện.

**7.03 Thông tin so sánh**

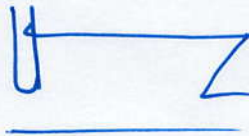
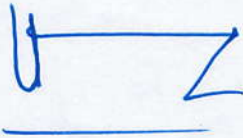
Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2018 được lấy từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán và kiểm toán viên đã đưa ra Báo cáo kiểm toán số 2.0407/18/TC-AC ký ngày 30 tháng 03 năm 2018 đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với khoản mục “Phải thu ngắn hạn của khách hàng” và “Phải thi ngắn hạn khác”.

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Đức Thương

Phạm Đức Thương

Bùi Trung Liễu

